

Số: **742** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;



Handwritten signature or mark.

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 311/TTr-SNV ngày 09 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thành phố căn cứ Quy định này để xây dựng quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các đơn vị trực thuộc bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các cơ quan và DN tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, NC-KSTT (Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hải

QUY ĐỊNH

Đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số **742/QĐ-UBND** ngày **28/5/2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những nhiệm vụ được giao trong thực tiễn hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý Nhà nước và công tác tổ chức chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức là việc làm thường xuyên hàng năm nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan.

4. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, tổ chức và quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Mức độ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không cao hơn mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.

Chương II NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 3. Nội dung, tiêu chí đánh giá và chấm điểm

Handwritten mark

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đối với cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh (theo Phụ lục số 1, kèm theo Quy định này).

2. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND các huyện, thành phố và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố (theo Phụ lục số 2, kèm theo Quy định này).

3. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (theo Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 kèm theo Quy định này).

4. Đối với các đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng Quy định tiêu chí, đánh giá chấm điểm theo quy định.

Điều 4. Thang điểm và Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm: **100** điểm theo các tiêu chí tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Phương pháp chấm điểm: Căn cứ phương pháp tính điểm được quy định cụ thể trong các tiêu chí tại Phụ lục số 1,2,3,4 ban hành kèm theo Quy định này, các cơ quan, đơn vị đánh giá, tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Mức điểm cho mỗi tiêu chí là điểm tối đa khi hoàn thành tốt toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Các cơ quan, đơn vị phải có bản báo cáo thuyết minh, giải trình, lượng hóa kết quả chấm điểm và tài liệu kiểm chứng của từng tiêu chí theo các Phụ lục của Quy định này.

3. Điểm thưởng và điểm trừ.

a) Điểm thưởng: Các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc trong tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, xây dựng được mô hình mới tạo được đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, mang tính khoa học và thực tiễn cao; tham mưu giải quyết tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công nhận; mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng không quá 02 điểm và tổng điểm thưởng không quá 05 điểm.

b) Điểm trừ: Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với các cơ quan, đơn vị để xảy ra các vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ mà các phương tiện thông tin, truyền thông, báo chí phản ánh, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh; không thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao mà không có lý do chính đáng; bị phê bình, rút kinh nghiệm bằng văn bản; cơ quan, đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp; mỗi vụ việc vi phạm trừ không quá 02 điểm (bị văn bản phê bình của

UBND tỉnh, mỗi văn bản trừ 01 điểm; bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh, mỗi văn bản trừ 0,5 điểm).

Điều 5. Mức độ xếp loại

1. Căn cứ vào nội dung đánh giá và điểm hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này, Hội đồng đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo **04** mức: Hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (*được bình bầu tối đa 20% trong số các cơ quan hoàn thành tốt nhiệm vụ*); Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **20%** trong tổng số đơn vị đánh giá, lấy kết quả từ cao xuống thấp trong các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ; khi có 02 đơn vị bằng điểm nhau thì quyết định bằng cách bỏ phiếu, nếu kết quả bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quyết định đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cơ sở phân tích mặt mạnh, mặt yếu của các đơn vị đó.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ **80** điểm đến **100** điểm;

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ **50** điểm đến **79** điểm;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ có số điểm dưới **50** điểm.

2. Việc xếp loại các cơ quan, tổ chức bám sát quy định tại Điều 12 Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị cho đến khi có hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ về đánh giá, xếp loại các đơn vị hàng năm.

Chương III

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HÀNG NĂM

Điều 6. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm

Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và theo phân cấp của tỉnh.

Chương IV

THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 7. Thẩm quyền đánh giá

1. UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phó Thủ trưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng đánh giá để đánh giá, xếp loại đối với các đơn vị trực thuộc và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

3. Sở Nội vụ thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá, xếp loại đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh.

Điều 8. Thành lập Hội đồng đánh giá

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ;

- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan:

+ Mời đại diện lãnh đạo: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh;

+ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Cục Thống kê tỉnh;

+ Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ; Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ, kiêm thư ký.

- Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

Căn cứ hồ sơ tự đánh giá của từng cơ quan, đơn vị về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm theo các tiêu chí quy định tại Quyết định này để thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của UBND tỉnh.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng

- Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm thành lập Tổ giúp việc, thành phần gồm:

+ 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ: Tổ trưởng;

+ Các Thành viên: Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Thanh Tra tỉnh.

- Tổ giúp việc có nhiệm vụ: Căn cứ hồ sơ của các cơ quan, đơn vị để tham mưu, giúp Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp số điểm tự chấm của các cơ quan đơn vị, thống kê các kết quả đạt được và chưa đạt được của các cơ quan, đơn vị; dự kiến kết quả nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị và sau đó xin ý kiến của cơ quan

thường trực về số điểm đạt được của các cơ quan, đơn vị trước khi trình Hội đồng đánh giá thông qua.

Các thành viên của Tổ giúp việc là đại diện của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc rà soát, theo dõi, thống kê các kết quả nhiệm vụ của đối tượng đánh giá theo tiêu chí đánh giá tại Quy định này để phục vụ cho việc đánh giá cơ quan, đơn vị, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị vào cuối năm.

2. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

a) Thành phần Hội đồng

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, thành phần gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.
- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Lãnh đạo Phòng làm công tác quản lý công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị.
- Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị.
- Mời đại diện cấp ủy Đảng, các tổ chức đoàn thể trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Phòng làm công tác quản lý công chức, viên chức là tổ chức thường trực của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào Quy định này, Hội đồng đánh giá của các cơ quan, đơn vị xây dựng, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc và công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định.
- Tổ chức việc đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.
- Thực hiện xem xét thẩm định, trình người đứng đầu đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị trực thuộc; công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định.

3. Đối với UBND cấp huyện

a) Thành phần Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;
- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định số lượng và thành phần.

Mời đại diện: Thường trực HĐND cấp huyện; lãnh đạo Ban Tổ chức, Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, Liên đoàn lao động cấp huyện tham gia Hội đồng.

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào Quy định này, Hội đồng đánh giá cấp huyện tiến hành họp, xem xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục trình Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo, trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện việc xem xét thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 9. Hồ sơ và thời gian nộp kết quả tự đánh giá, xếp loại

1. Hồ sơ đánh giá

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ gửi về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ), để tổng hợp đánh giá xếp loại hàng năm.

a) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại Điều 4, (Phụ lục số 1, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng theo các tiêu chí tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

h

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bản nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Đối với UBND cấp huyện

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện theo Điều 4, (Phụ lục số 2, kèm theo Quy định này); báo cáo do lãnh đạo UBND cấp huyện ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng theo Phụ lục 2 kèm theo Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của Chủ tịch UBND cấp huyện; bản nhận xét, đánh giá của UBND cấp huyện đối với Chủ tịch UBND cấp huyện và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị và lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, kèm theo Quy định này); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng kèm theo Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của lãnh đạo cơ quan, đơn vị; bản nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị đó và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

2. Thời gian nộp hồ sơ đánh giá

a) Chậm nhất ngày **15 tháng 12** hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải gửi hồ sơ đánh giá, tự chấm điểm cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Phó

Thủ trưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh theo Quy định này về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ) để tổng hợp, trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét, thẩm định.

Hội đồng đánh giá cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **15 tháng 01** của năm sau liền kề năm đánh giá.

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị không gửi hồ sơ đánh giá, xếp loại về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) theo thời gian quy định nêu trên thì **Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định nhưng không vượt quá mức độ Hoàn thành nhiệm vụ** hoặc các đơn vị gửi hồ sơ đánh giá không đầy đủ, không đúng quy định thì đánh giá theo kết quả chấm điểm như hồ sơ đơn vị gửi.

Điều 10. Quy trình, trình tự đánh giá và thẩm quyền công nhận

1. Quy trình đánh giá, xếp loại

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức theo Quy định này, gửi toàn bộ hồ sơ và các văn bản có liên quan lên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Nội vụ).

b) Sở Nội vụ nhận hồ sơ, tổng hợp kết quả tự đánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với tổ chức và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả tự chấm của các cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí của Quy định này; tổng hợp báo cáo Hội đồng về kết quả đánh giá đối với tổ chức và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị.

d) Hội đồng đánh giá cấp tỉnh tổ chức phiên họp để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền công nhận

a) UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố. Xem xét, quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền theo quy định.

b) Giám đốc Sở Nội vụ đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Hội đặc thù cấp tỉnh.

c) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại các đơn vị trực thuộc và xếp loại chất lượng công chức, viên chức theo phân cấp. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND

tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại đối với cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó.

d) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện và cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp, bao gồm Phó Chủ tịch UBND cấp huyện.

Điều 11. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và giám sát đánh giá.

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ hoặc để xảy ra những vấn đề gây bức xúc trong dư luận, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo quy định.

3. Hàng năm, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện những quy định của Quy định này. Đồng thời, có biện pháp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này; hàng năm, có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, đảm bảo tính trung thực và khách quan, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo đúng thời gian quy định.

b) Đối với việc xây dựng Quy định đánh giá các đơn vị, tổ chức trực thuộc: Các cơ quan, đơn vị phải cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy định này và các văn bản hướng dẫn đánh giá đối với ngành, lĩnh vực (giáo dục, y tế và các ngành khác); có thể bổ sung, đưa ra khỏi tiêu chí đánh giá những nội dung không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trực thuộc nhưng phải bảo đảm chặt chẽ, khoa học, không bỏ sót nhiệm vụ.

2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Theo dõi các tiêu chí về cải cách hành chính, dân vận chính quyền và các tiêu chí liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ.



tv


3. Giao Sở Tài chính theo dõi tiêu chí đánh giá về công tác tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Giao Văn phòng UBND tỉnh dõi việc thực hiện Chương trình công tác năm, các nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho các ngành, lĩnh vực; các văn bản phê bình, nhắc nhở của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề và theo dõi các tiêu chí liên quan khác ở các phụ lục theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư: Theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đối với UBND các huyện, thành phố; phối hợp với Cục Thống kê tỉnh theo dõi, cung cấp tài liệu về các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội của UBND cấp huyện và theo dõi các tiêu chí liên quan khác ở các phụ lục theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chí về kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Liên đoàn Lao động tỉnh; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh theo dõi các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình về việc đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và cung cấp thông tin theo đề nghị của Hội đồng đánh giá (thông qua Sở Nội vụ)./.

_____ 



-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	5				
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	2,5				
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	2,5				
-	Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội	0				
VII	Kết quả đánh giá các tổ chức chính trị, xã hội của đơn vị (đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chấm điểm tối đa; đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ chấm bằng 1/2 tổng điểm; đạt từ mức độ Hoàn thành nhiệm vụ trở xuống chấm 0 điểm; đơn vị không thành lập tổ chức nêu trên thì chấm bằng 1/3 tổng điểm quy định)	5				Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền
1	Kết quả Công tác Đảng	2				
2	Kết quả công tác Công đoàn	1,5				
3	Kết quả công tác Đoàn Thanh niên	1,5				
VIII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5				Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan
2	Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 4 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản đề nghị rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0.5 điểm)					Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan

B	<p style="text-align: center;">ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</p>	<p>Mức độ hoàn thành: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV</p>		<p>Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và Quy định này</p>	
---	--	--	--	--	--

✓



Phụ lục 2
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 7442/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Sst	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú		
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII, không bao gồm điểm trừ)	95						
							Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh	Nghị quyết của UBND tỉnh, Kế hoạch của UBND huyện; Báo cáo kết quả thực hiện và theo dõi của các Sở, ngành liên quan
							+ Đạt 100% kế hoạch trở lên: được điểm chuẩn tối đa;	
							+ Đạt từ 70% đến dưới 100% KH: được 2/3 điểm chuẩn tối	
+ Đạt 50% đến dưới 70% KH: được 1/2 điểm chuẩn tối đa;								
	+ Đạt dưới 50% KH: 0 điểm;							
I	Nhóm tiêu chí về kinh tế	7,5						
-	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	1				Sở Kế hoạch và Đầu tư làm		
-	Thu nhập bình quân đầu người	1				Đầu tư làm		
-	Tổng giá trị sản xuất	1				dầu mồi,		
-	Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	1				phối hợp		
-	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	1				với Sở Xây		
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1				dựng, Sở		
-	Hạ tầng giao thông	0,5				Giao thông vận tải và các ngành có liên		
-	Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị	0,5				quan theo dõi, kiểm tra		
-	Hạ tầng cấp điện	0,5				việc thực hiện các tiêu chí đề		
						đánh giá cuối năm		

Handwritten mark/signature

2	Nhóm tiêu chí về Văn hóa – Xã hội	3						Sở LĐ&TB XH, Sở Y tế, Sở GDĐT, Sở VHTTDL theo dõi
-	Tốc độ tăng dân số	0,5						
-	Lao động và việc làm	0,5						
-	Giảm nghèo	0,5						
-	Y tế	0,5						
-	Giáo dục	0,5						
-	Văn hóa	0,5						
3	Nhóm tiêu chí về môi trường	4						
-	Tỷ lệ che phủ rừng	1						Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, báo cáo kết quả về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh
-	Xử lý chất thải rắn	0,5						
-	Xử lý nước thải	1						
-	Xử lý ô nhiễm không khí	0,5						
-	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	1						
4	Nhóm tiêu chí về an ninh trật tự	2						
-	Kết quả phòng chống tội phạm	1						Công an tỉnh theo dõi
-	Kết quả giảm tỷ lệ tai nạn giao thông	0,5						
-	Công tác phòng chống cháy nổ	0,5						
5	Nhóm tiêu chí về quốc phòng	1,5						
-	Kết quả tuyển quân	0,5						Bộ Chỉ huy Quản an tỉnh

Handwritten signature in red ink.

-	Kết quả xây dựng dân quân tự vệ, dự bị động viên	1					Yêu cầu cụ thể theo dõi															
6	Nhóm tiêu chí nông thôn mới	2					Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh theo dõi															
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	25																				
	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện.																					
1	<table border="1"><tr><td rowspan="2">Công thực tính tổng điểm =</td><td>Số việc thực hiện x số điểm</td><td rowspan="2">15</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tổng việc được giao</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Công thực tính tổng điểm =	Số việc thực hiện x số điểm	15						Tổng việc được giao												
Công thực tính tổng điểm =	Số việc thực hiện x số điểm		15																			
	Tổng việc được giao																					
	<p>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc.</p> <p>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc công việc không đảm bảo chất lượng được tính là không hoàn thành.</p>																					

Handwritten mark or signature at the bottom left.

-	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, của Sở, ngành, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh).	5			<p>Các văn bản triển khai văn bản theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>Đối với những đơn vị đã đăng ký Chương trình công tác nhưng không thực hiện hoặc thực hiện chậm đã được UBND tỉnh cho gia hạn sau thì bị trừ 1/2 điểm đối với nội dung đó</p>
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (các cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng các chương trình, đề án trong năm, trình UBND tỉnh thông qua, ban hành Chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện)	10			<p>Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện; kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh (Tùy vào số lượng nhiệm vụ đăng ký trong chương trình và dung lượng của nhiệm vụ đó, Hội đồng quyết định chấm điểm tối đa hoặc thấp hơn điểm tối đa 20 điểm nhằm đảm bảo công bằng trong việc đơn vị đăng ký nhiều nhiệm vụ, đơn vị đăng ký ít nhiệm vụ)</p>	
2	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (cơ quan, đơn vị nộp t thiếu báo cáo năm: trừ 05 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 03 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 02 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 10 điểm).	10			<p>Báo cáo đánh giá năm của UBND cấp huyện, các báo cáo tháng, quý, năm, Văn phòng UBND tỉnh theo dõi.</p>	
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	5				
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	5				

✓

2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	4			
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	3			
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	2			
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	1			
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0			
II KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ (lấy kết quả chấm điểm DDCl của UBND các huyện, thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt)					
1	Chỉ số DDCl đạt 90-100 điểm	5			
2	Chỉ số DDCl đạt từ 80-99 điểm	4			
3	Chỉ số DDCl đạt từ 70-79 điểm	3			
4	Chỉ số DDCl đạt từ 60-69 điểm	2			
5	Chỉ số DDCl đạt từ 50-59 điểm	1			
6	Chỉ số DDCl đạt dưới 50 điểm	0			
III THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN					
I Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện

h

	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; thành lập Ban Chỉ đạo hoặc phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5				Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5				Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc
	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5				Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
2	Công tác dân vận chính quyền (lấy kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	3				Sở Nội vụ theo dõi
	Hoàn thành tốt	3				
	Hoàn thành khá	2				
	Hoàn thành	1				
	Không hoàn thành	0				

tv

IV Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	10		Theo dõi của Thanh tra tỉnh.	
1 Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm (Ban hành được kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 01 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 02 điểm)	2		Các văn bản, kế hoạch triển khai	
2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 01 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 02 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 03 điểm).	3		Các kế hoạch, kết luận sau kiểm tra và kết quả khắc phục của các đơn vị.	
3 Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định (Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 02 điểm)	2		Báo cáo kết quả thực hiện và các tài liệu minh chứng liên quan.	
Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc				

4	thẩm quyền theo quy định (Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 01 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 02 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 03 điểm).	3	Thống kê của Thanh tra tỉnh	
V	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	10		
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.	2	Các văn bản triển khai và báo cáo kết quả thực hiện; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 05 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 03 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; khiển trách trừ 01 điểm (mỗi cơ quan, đơn vị chỉ áp dụng một hình thức cao nhất).	5	Căn cứ các văn bản theo dõi của Sở Nội vụ về thi hành kỷ luật	

tv

3	<p>Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiên túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (vi phạm lần đầu trừ 01 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 02 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 03 điểm).</p>	3		<p>Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 17; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ</p>	
VI	<p>Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh</p>	5		<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi.</p>	
1	<p>Kết quả chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh (đánh giá khả năng thực hiện các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh: tốt 01 điểm; khá 0,5 điểm; còn lại 0 điểm).</p>	1		<p>Báo cáo kết quả thực hiện.</p>	
2	<p>Kết quả thu hút đầu tư (đánh giá theo tỷ lệ thu hút đầu tư so với mức trung bình toàn tỉnh: cao 01 điểm; khá 0,5 điểm; trung bình 0 điểm).</p>	1		<p>Báo cáo kết quả thực hiện.</p>	
3	<p>Thực hiện công bố công khai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đơn giá bồi thường GPMB; thông tin thường xuyên về các cơ chế, chính sách, chính sách thuế (thực hiện công bố công khai: 01 điểm; thực hiện chưa tốt: 0,5 điểm; không thực hiện: 0 điểm).</p>	1		<p>Văn bản triển khai và kết quả triển khai thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, văn bản theo dõi của Sở TNMT</p>	
4	<p>Khả năng tiếp cận đất đai</p>	1		<p>Văn bản theo dõi của Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	

-	Sự phù hợp của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (phù hợp được 0,5 điểm; thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch: 0 điểm)	0,5			Nộp báo cáo kết quả triển khai các chỉ tiêu sử dụng đất của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố.
-	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (chậm tiến độ dự án trừ 0,5 điểm)	0,5			Báo cáo tiến độ và kết quả triển khai thực hiện dự án theo từng giai đoạn về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.
5	Kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	1			Các văn bản triển khai và kết quả thực hiện, văn bản theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư.
VII	Công tác tài chính	10			
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, Kế hoạch tài chính – ngân sách	5			Các văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	5			
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	2,5			
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	2,5			
-	Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn	0			
2	Lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán hàng năm	5			Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	5			
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	2,5			
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	2,5			
-	Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn	0			
VIII	Điểm cộng, điểm trừ	5			

h

<p>1</p> <p>Điểm công (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thường đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)</p>	<p>5</p>		<p>Báo cáo giải trình điểm thường kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan</p>	
<p>2</p> <p>Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 4 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mới văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản đề nghị rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0.5 điểm)</p>			<p>Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan</p>	
<p>B</p> <p>DANH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</p>	<p>Mức độ hoàn thành: HTXSNNV; HTTNV; HTNV; KHTNV</p>		<p>Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và Quy định này</p>	<p><i>h</i></p>

Phụ lục 3

Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

(Kèm theo Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII, không bao gồm điểm trừ)	100				
I	Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự	40				
I	Tự chủ trong xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ hàng năm	30				
-	Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công: bao gồm phân kế hoạch do đơn vị xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của đơn vị theo quy định của pháp luật và phần kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nội dung không đầy đủ theo quy định để đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao một cách hiệu quả trừ ½ tổng điểm)	5			Kế hoạch của đơn vị được phê duyệt; kết quả theo dõi của Sở Tài chính, Sở Nội vụ.	
-	Tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trong Kế hoạch đảm bảo chất lượng và thời hạn hoàn thành công việc (tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm).					
	Công thức tính tổng điểm =					
	Số việc thực hiện x 25	25				
	Tổng việc được giao				Báo cáo năm về kết quả thực hiện; kết quả theo dõi Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ.	

✓

2	Tự chủ về biên chế, nhân sự	Việc quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; thuê hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ (<i>Thực hiện không đúng, không đầy đủ đối với một nội dung trừ 01 điểm, tổng điểm trừ không quá 05 điểm</i>).	5				Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ.	
3	Hội đồng quản lý	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và phê duyệt quy chế hoạt động và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động được giao (<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chấm 0 điểm</i>).	5				Các văn bản minh chứng.	
II	Thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính		15					
1	Xây dựng phương án phân loại đơn vị sự nghiệp		5				Quyết định phê duyệt và Quyết định phê duyệt giai đoạn tiếp theo của cấp có thẩm quyền.	
-	<i>Đã thực hiện (Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân loại đơn vị sự nghiệp);</i>		5					
-	<i>Chưa thực hiện (Chưa có quyết định phê duyệt và hết giai đoạn nhưng chưa có phương án giai đoạn tiếp theo).</i>		0					



2	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp định kỳ hằng năm	10			Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hàng năm.	
-	<i>Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	10				
-	<i>Thực hiện không đảm bảo nội dung</i>	5				
-	<i>Thực hiện không đảm bảo thời hạn</i>	5				
-	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn</i>	0				
III	THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN	5				
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2				
	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (<i>Không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm</i>)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện.	
	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; thành lập Ban Chỉ đạo hoặc phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định (<i>Không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm</i>)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện.	

W

	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc.
	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
2	Công tác dân vận chính quyền (lấy kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	3			Quyết định đánh giá của UBND tỉnh
	Hoàn thành tốt	3			
	Hoàn thành khá	2			
	Hoàn thành	1			
	Không hoàn thành	0			
IV	Thực hiện Quy định về lập, chấp hành dự toán thu, chi	15			
1	Lập dự toán của đơn vị sự nghiệp	5			
-	Lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và căn cứ kết quả thu chi tài chính năm trước liền kề.	2,5			Dự toán thu, chi được phê duyệt.

✓

-	Lập dự toán 02 năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở căn cứ kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao của năm trước liền kề và nhiệm vụ tăng hoặc giảm của năm kế hoạch.	2,5			Dự toán thu, chi được phê duyệt.	
2	Trình cấp có thẩm quyền phân loại đơn vị sự nghiệp công lập	5				
-	Trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập ổn định trong 03 năm và phê duyệt dự toán kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên trong năm đầu thời kỳ ổn định.	2,5			Quyết định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.	
-	Trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chủ quản căn cứ vào dự toán thu, chi của đơn vị sự nghiệp lập, xem xét tổng hợp dự toán ngân sách Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp.	2,5			Báo cáo dự toán ngân sách trong thời kỳ ổn định.	
3	Quyết toán	5				
-	Định kỳ tháng cuối quý và cuối năm, đơn vị sự nghiệp lập báo cáo kế toán, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt theo quy định (Thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm, tổng số không trừ quá 05 điểm).	5			Báo cáo Quý, năm về hoạt động thu, chi ngân sách.	
V	Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	15				

Handwritten mark

1	Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.	3			Báo cáo kết quả chất lượng hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho ý kiến
2	Tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.	2			Các Quy chế; báo cáo kết quả thực hiện.
3	Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.	3			Báo cáo kết quả quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
4	Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.	2			Các quy định về công khai, trách nhiệm giải trình của đơn vị sự nghiệp.
5	Không có công chức, viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có công chức, viên chức vi phạm các tệ nạn xã hội. Có công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật về (đảng, chính quyền) theo các mức: Khởi tố từ 05 điểm; buộc thôi việc hoặc cách chức từ 04 điểm; hạ bậc lương hoặc giáng chức từ 03 điểm; cảnh cáo từ 02 điểm; khiển trách từ 01 điểm.	5			Các văn bản thi hành kỷ luật; theo dõi của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, của Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan.
VI	Kết quả đánh giá các tổ chức chính trị, xã hội của đơn vị (đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chấm điểm tối đa; đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ chấm bằng 1/2 tổng điểm; đạt từ mức độ Hoàn thành nhiệm vụ trở xuống chấm 0 điểm; đơn vị không thành lập tổ chức nêu trên thì chấm bằng 1/3 tổng điểm quy định)	5			Các Quyết định công nhận
1	Kết quả công tác Đảng.	2			

2	Kết quả công tác công đoàn.	1,5				
3	Kết quả công tác Đoàn thanh niên.	1,5				
VII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan.	
2	Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 4 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mới văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản đề nghị rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0.5 điểm)				Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan.	
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Mức độ hoàn thành: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV			Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và Quy định này	

h



Phụ lục 4

Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;
đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

(Kèm theo Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII, không bao gồm điểm trừ)	100				
I	Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, biên chế, nhân sự	40				
I	Tự chủ trong xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ hàng năm	35				
-	Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công: bao gồm phần kế hoạch do đơn vị xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của đơn vị theo quy định của pháp luật và phần kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nội dung không đầy đủ theo quy định để đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao một cách hiệu quả trừ ½ tổng điểm)	5			Kế hoạch của đơn vị được phê duyệt; kết quả theo dõi của Sở Tài chính, Sở Nội vụ.	

(Handwritten mark)

	<p>Tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác trọng tâm hàng năm sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm chất lượng và thời hạn hoàn thành công việc (tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm).</p>	30	<p>Báo cáo năm về kết quả thực hiện; kết quả theo dõi Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ.</p>	
2	<p>Tự chủ về biên chế, nhân sự</p> <p>Việc quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật (thực hiện không đúng, không đầy đủ một nội dung trừ 01 điểm, tổng điểm trừ không quá 05 điểm).</p>	5	<p>Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ.</p>	
II	<p>Thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính</p>	15	<p>Quyết định phê duyệt và Quyết định phê duyệt giai đoạn tiếp theo của cấp có thẩm quyền.</p>	
1	<p>Xây dựng phương án phân loại đơn vị sự nghiệp</p>	5		

N



-	Đã thực hiện (Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân loại đơn vị sự nghiệp);	5				
-	Chưa thực hiện (Chưa có quyết định phê duyệt và hết giai đoạn nhưng chưa có phương án giai đoạn tiếp theo).	0				
2	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp định kỳ hàng năm	10			Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định	
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	10				
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	5				
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	5				
-	Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn	0				
III	THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CÔNG TÁC	5				
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2				
	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	

(Handwritten mark)

	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; thành lập Ban Chỉ đạo hoặc phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc
	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện
2	Công tác dân vận chính quyền (lấy kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	3			
	Hoàn thành tốt	3			
	Hoàn thành khá	2			
	Hoàn thành	1			

✓



	Không hoàn thành	0				
IV	Thực hiện Quy định về lập, chấp hành dự toán thu, chi	15				
1	Lập dự toán của đơn vị sự nghiệp	5				
-	Lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và căn cứ kết quả thu chi tài chính năm trước liên kế.	2,5			Dự toán thu, chi được phê duyệt	
-	Lập dự toán 02 năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở căn cứ kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao của năm trước liên kế và nhiệm vụ tăng hoặc giảm của năm kế hoạch.	2,5			Dự toán thu, chi được phê duyệt	
2	Trình cấp có thẩm quyền phân loại đơn vị sự nghiệp công lập	5				
-	Trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập ổn định trong 03 năm và phê duyệt dự toán kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên trong năm đầu thời kỳ ổn định.	2,5			Quyết định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập	
-	Trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chủ quản căn cứ vào dự toán thu, chi của đơn vị sự nghiệp lập, xem xét tổng hợp dự toán ngân sách Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp.	2,5			Báo cáo dự toán ngân sách trong thời kỳ ổn định	

4

3	Quyết toán	5					
-	Định kỳ tháng cuối quý và cuối năm, đơn vị sự nghiệp lập báo cáo kế toán, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt theo quy định (<i>Thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm, tổng số không trừ quá 05 điểm</i>).	5				Báo cáo Quý, năm về hoạt động thu, chi ngân sách	
V	Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	15					
1	Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.	3				Báo cáo kết quả chất lượng hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho ý kiến	
2	Tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định.	2				Báo cáo kết quả thực hiện	
3	Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.	3				Báo cáo kết quả quản lý, bảo toàn và phát triển vốn	
4	Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.	2				Các quy định về công khai, trách nhiệm giải trình của đơn vị sự nghiệp	

✓

	Không có công chức, viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có công chức, viên chức vi phạm các tệ nạn xã hội. Có công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật về (đảng, chính quyền) theo các mức: Khỏi tổ trừ 05 điểm; buộc thôi việc hoặc cách chức trừ 04 điểm; hạ bậc lương hoặc giáng chức trừ 03 điểm; cảnh cáo trừ 02 điểm; khiển trách trừ 01 điểm.	5			Các văn bản theo dõi của Đảng ủy khởi các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan.	
VI	Kết quả đánh giá các tổ chức chính trị, xã hội của đơn vị (đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chấm điểm tối đa; đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ chấm bằng 1/2 tổng điểm; đạt từ mức độ Hoàn thành nhiệm vụ trừ xuống chấm 0 điểm; đơn vị không thành lập tổ chức nêu trên thì chấm bằng 1/3 tổng điểm quy định)	5			Các Quyết định công nhận	
1	Kết quả công tác Đảng.	2				
2	Kết quả công tác công đoàn.	1,5				
3	Kết quả công tác Đoàn thanh niên.	1,5				
VII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan	



2	<p>Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 4 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản đề nghị rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0.5 điểm)</p>			Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan	
B	<p>ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ</p>	<p>Mức độ hoàn thành: HTXSNNV; HTTNV; HTNV; KHTNV</p>		<p>Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2021 của Chính phủ và Quy định này</p>	

Phụ lục 1
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TRỰC THUỘC UBND TỈNH;
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số **742/QĐ-UBND** ngày **28/5/2021** của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII, không bao gồm điểm trừ)	95				
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	45				
1	Công thức tính tổng điểm =	Số việc thực hiện x số điểm				
* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt.						
* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc.						

2

	<p>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành.</p>						
-	<p>Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh) về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (không thực hiện, thực hiện chậm)</p>	15	15	Các văn bản triển khai văn bản theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh	Đối với những đơn vị đã đăng ký Chương trình công tác nhưng không thực hiện hoặc thực hiện chậm đã được UBND tỉnh cho gia hạn điểm đối với nội dung đó		<p>Thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>
-	<p>Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (các cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng các chương trình, đề án trong năm, trình UBND tỉnh thông qua, ban hành Chương trình công tác năm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để thực hiện)</p>	20	20	Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo kết quả thực hiện; kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh			<p>Báo cáo đánh giá năm của các sở, ngành, các báo cáo tháng, quý, năm</p>
2	<p>Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm; chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 05 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 03 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 02 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định hoặc báo cáo không thể hiện đầy đủ thông tin trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 10 điểm).</p>	10	10				

II KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (lấy kết quả chấm điểm cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt)					
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	5			
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	4			
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	3			
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	2			
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	1			
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0			
II KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH (lấy kết quả chấm điểm DDCI của cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt)					
1	Chỉ số DDCI đạt 90-100 điểm	5			
2	Chỉ số DDCI đạt từ 80-99 điểm	4			
3	Chỉ số DDCI đạt từ 70-79 điểm	3			
4	Chỉ số DDCI đạt từ 60-69 điểm	2			
5	Chỉ số DDCI đạt từ 50-59 điểm	1			
6	Chỉ số DDCI đạt dưới 50 điểm	0			
III THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ VÀ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN					
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2			
	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức (Không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5		Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	

✓

	Thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; thành lập Ban Chi đạo hoặc phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5	Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Điều 7 Mục 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5	Các văn bản triển khai, hình ảnh về việc niêm yết các loại hồ sơ của cơ quan, đơn vị; các báo cáo kiểm tra đột xuất của tổ giúp việc	
	Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC (không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)	0,5	Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
2	Công tác dân vận chính quyền (lấy kết quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	3		
	Hoàn thành tốt	3		
	Hoàn thành khá	2		
	Hoàn thành	1		
	Không hoàn thành	0		

tv

IV	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	10				
1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm (Ban hành được kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 01 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 02 điểm)	2			Các văn bản, kế hoạch triển khai	
2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 01 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 02 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 03 điểm).	3			Các kế hoạch, kết luận sau kiểm tra	
3	Kê khai, công khai tài sản, tài chính theo quy định (Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 02 điểm)	2				
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định (Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 01 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 02 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 03 điểm).	3			Thống kê của Thanh tra tỉnh	
V	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	10				
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.	2			Bảo cáo kết quả thực hiện và theo dõi của Sở Nội vụ	

R

2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố từ 05 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) từ 04 điểm; hạ bậc lương (hoặc giảm lương) từ 03 điểm; cảnh cáo từ 02 điểm, khiển trách từ 01 điểm	5				Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật	Thực hiện khi có văn bản xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (vi phạm lần đầu từ 01 điểm; vi phạm từ 02-04 lần từ 02 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên từ 03 điểm).	3				Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 17	
VI	Công tác tài chính	10					
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm, Kế hoạch tài chính - ngân sách 05 năm.	5				Các văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền	
-	<i>Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	5					
-	<i>Thực hiện không đảm bảo nội dung</i>	2,5					
-	<i>Thực hiện không đảm bảo thời hạn</i>	2,5					
-	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn</i>	0					
2	Lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán hàng năm	5				Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán	

W